

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyển, bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* T – sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* K – sinh năm 1975; Nơi ĐKNKTT: Thôn Mh, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(*Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn T trình bày:**

- *Quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà K kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, hai bên sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài, đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được. Ông T, bà K tự sống riêng từ khoảng giữa năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ông T nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn bà K.

- *Về con chung:* Có 04 con chung tên là: Q, sinh ngày 09/3/1995; L, sinh ngày 20/6/1997; H, sinh ngày 02/01/2001 và Y, sinh ngày 19/3/2005. Trong đó, 03 con là Q, L, H đã trưởng thành nên không yêu cầu gì. Đối với con tên Y, ông T xin nuôi, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

* **Bị đơn K** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn T xin vắng mặt. Bị đơn K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào năm 1994 (*Giấy đăng ký kết hôn số 79/1994*) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Ông T khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hai bên tự xa nhau từ giữa năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm ai. Ban nhân dân thôn M, xã H xác nhận vợ chồng ông T, bà K có mâu thuẫn không còn chung sống là sự thật. Mặt khác, bà K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3] Về con chung: Có 04 con chung tên Q, sinh ngày 09/3/1995; L, sinh ngày 20/6/1997; H, sinh ngày 02/01/2001 và Y, sinh 19/3/2005. Trong đó, các con Q, L, H đã trưởng thành, không yêu cầu gì nên không xét.

Đối với con chung tên Y: Cháu Y có nguyện vọng được sống cùng ông T. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho cháu Y phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của ông T: Giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Y.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T làm thợ hồ, có thu nhập và có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc bà K phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông T được ly hôn bà K.
2. Về con chung: Giao con chung tên là Y, sinh 19/3/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002480 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, ông T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND H. Tây Hòa;
 - Cục THADS H. Tây Hòa;
 - UBND xã H
- (*GĐKKH số 79 năm 1994*);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ